TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2024/DS-ST
Ngày: 28-6-2024
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT-TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Toàn
2. Ông Nguyễn Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Giang Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Từ ngày 27 đến ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 378/2023/TLST- DS, ngày 15 tháng 11 C 2023, về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 375-TB-TA , ngày 03/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1969

Địa chỉ: khu phố 4, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1974

Địa chỉ: số 78, đường D, thôn E, xã F, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2023 bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày*:** NĂM 2022, gia đình bà có bán mảnh đất đang sinh sống, gia đình bà tìm mua một mảnh đất khác với mục đích để cho con trai bà có một nơi ở ổn định, khi đó bà Trần Thị C đang rao bán lô đất tọa lạc tại thôn E, xã F, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, dài 18m, rộng 6,7m và diện tích là khoảng 118m^2 với giá 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Nguồn gốc của lô đất trên bà C nói mua từ ông Nguyễn Hòa Châu, ở thôn E, xã F, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận và lô đất này vẫn chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà trao đổi với bà C, bà hỏi rằng: "Đất này là của ai, có quy hoạch gì không chị", thì bà C trả lời rằng: "Đất này của tôi, quy hoạch gì mà quy hoạch nữa, nhà nước xây nhà

tình thương cho dân ở đầy xung quanh đây!", "Chị cứ mua đi ở đi, tôi chịu trách nhiệm cho".

Sau khi thỏa thuận xong với bà C, ngày 13/02/2022 bà và bà C có ký Giấy đặt cọc với số tiền là 50.000.000 đồng (Bằng chữ: C mươi triệu đồng) bà C nói sẽ giữ giấy tờ đất và hẹn ngày 02/3/2022 trả đủ số tiền còn lại là 280.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu đồng) thì mới giao giấy tờ đất, làm thủ tục sang nhượng cho bà. Sau khi ký giấy đặt cọc nêu trên, khoảng 04 ngày sau, tức ngày 17/2/2022 bà biết được thông tin mảnh đất mà bà C hứa bán cho bà là đất thuộc diện quy hoạch sẽ bị Nhà nước thu hồi. Do vậy bà gặp bà C để làm rõ việc bà C lừa dối bà mảnh đất đó không bị quy hoạch và đòi bà C trả lại tiền cọc cho bà. Bà C không đồng ý trả lại số tiền cọc đã nhận.

Bà làm đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đến Ủy ban nhân dân xã F, thành phố Phan Thiết, hai bên được mời đến để làm việc lần đầu tiên, khi xong buổi làm việc, bà C về nhà liên hệ với bà Lê Thị Minh đề nghị trả lại 8.000.000 đồng cho bà, nhưng bà không đồng ý nên bà C tăng thêm 2.000.000 đồng nữa tổng cộng là 10.000.000 đồng, bà vẫn không đồng ý và yêu cầu bà C trả đủ số tiền 50.000.000 đồng mà bà đã đặt cọc.

Ngày 20/7/2022, bà được Ủy ban nhân dân xã F mời đến để hòa giải tranh chấp với bà Trần Thị C lần thứ hai, lần này bà không đến mà ủy quyền cho ông Nguyễn Thuận Thành trình bày. Tại buổi hòa giải, bà C cho rằng bà mua đất này từ một người khác bằng giấy tay, đất này thuộc quy hoạch thuộc đường 706B nên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có trao đổi cụ thể vấn đề này khi thỏa thuận bán đất cho bà. Cũng trong buổi hòa giải, bà C tiếp tục đề nghị trả lại tại đó 10.000.000 đồng cho bà hoặc sẽ trả 20.000.000 đồng khi để cho bà C tiếp tục bán mảnh đất đó cho người khác và nhận được tiền. Những lời trình bày của bà C tại buổi hòa giải không hề giống với những lần mà chúng tôi đã trao đổi trước khi ký giấy đặt cọc ngày 13/02/2022. Tuy nhiên, việc bà C nói rằng đã trao đổi cụ thể với tôi rằng đất bị quy hoạch là không có.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng đặt cọc giữa bà với bà C, đối với lô đất tại thôn E, xã F, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận là vô hiệu do bị lừa dối. Buộc bà Trần Thị C trả lại cho bà số tiền đặt cọc mua đất là 50.000.000 đồng (Bằng chữ: C mươi triệu đồng), tôi không yêu cầu phạt cọc và không yêu cầu bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phần án phí này bà tự nguyện nộp.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Trần Thị C trình bày:

Giữa tôi và bà Nguyễn Thị A có làm giấy tay đặt cọc mua bán 01 thửa đất với giá 330.000.000 đồng, bà A đã giao 50.000.000 đồng, tôi nhận ngay ngày làm giấy 13/02/2022, số tiền còn lại 280.000.000 đồng bà A sẽ đưa đủ vào ngày 02/3/2022. Trong giấy tay có ghi rõ, bên nào không thực hiện đúng sẽ mất cọc và đền bù cho bên còn lại. Trước đây khi giao dịch mua bán, tôi cũng đã nhiều lần giải thích là "lô đất này thuộc diện nằm trong khu 36 hộ, mà tỉnh đã có quyết định trả lại đất cho 36 hộ Suối Tiên, quy hoạch 360m làm đường 706B, nên tôi mới mua, nay chị muốn mua thì tôi sang lại cho chị", bà A vẫn đồng ý mua, nay bà A lại không thực hiện đúng hợp đồng, mà còn khởi kiện yêu cầu tôi trả tiền đặt cọc.

Trong bản giấy tay mua bán đặt cọc giữa tôi và bà A là do tôi viết, viết để làm tin, chỉ giao kết nếu không muốn mua bán tiếp hoặc không giao đủ tiền thì sẽ phải đền tiền gấp hai chứ không thỏa thuận về việc đất phải đi làm sổ hay nếu có quy hoạch thì bên tôi phải trả lại toàn bộ 50.000.000 đồng cho bà A. Tôi chỉ đồng ý trả lại cho bà A 50% số tiền bà A đã đặt cọc giao cho tôi là 25.000.000 đồng, tôi sẽ trả số tiền 25.000.000 đồng cho bà A khi tôi bán được thửa đất trên, tôi xác định trả lại do tình cảm chứ tôi không vi phạm gì trong việc giao tiền đặt cọc cả, hiện nay tôi vẫn muốn bán mảnh đất trên cho bà A chứ không phải nay tôi không muốn bán nữa, lô đất không ghi rõ vị trí chỉ ghi lô đất Nguyễn Ngọc Châu, này là do tôi ghi nhầm lẫn, đất thực tế tên ông Nguyễn Hòa Châu, tôi đồng ý trả lại một nửa số tiền cọc mà tôi đã nhận cho bà A. Do kinh tế khó khăn, không có tiền để trả cho bà A ngay, vì thế khi nào bán được lô đất trên tôi sẽ trả cho bà A số tiền là 25.000.000 đồng. Các yêu cầu khác của bà A tuyên vô hiệu do bị lừa dối tôi không đồng ý, bà A nói sai, bà A tự nguyện nộp án phí cho nhà nước tôi đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 3 NĂM 2024 và biên bản xác minh ngày 08/5/2024, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: thửa đất do bà A, C mua bán có lập giấy tay thể hiện việc đặt cọc 50.000.000 đồng giữa bà A với bà C có người làm chứng là bà Lê Thị Minh.

Thửa đất này trước đây bà C mua từ ông Nguyễn Hòa Châu, thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 85, khu đất thuộc 36 hộ bị thu hồi quy hoạch đường 706B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian A bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, đồng thời chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp Hợp đồng đặt cọc và tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị A tranh chấp về Hợp đồng đặt cọc với bà Trần Thị C, bà C là bị đơn có nơi cư trú tại thôn E, xã F, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện của bà A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, theo quy định tại khoản 03 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu:

Điều 429 Bộ luật dân sự quy định: "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 C, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm" hợp đồng đặt cọc mua đất ký ngày 13/02/1022 đến ngày 28/7/2023 bà Nguyễn Thị A nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nên việc khởi kiện vẫn còn thời hiệu.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị C trả tiền cọc 50.000.000 đồng mua bán lô đất của ông Nguyễn Hòa Châu (Do bà C mua lô đất bằng giấy tay với ông Châu và bán lại cho bà A), bà A đã giao 50.000.000 đồng ngay cho bà C vào ngày viết giấy 13/02/2022. Các Bên B Nguyễn Thị A, Bên A Trần Thị C đã ký vào văn bản lập cùng ngày có bà Lê Thị Minh cùng ký nhận, giữa bên bán (Bên A) là bà Trần Thị C, bên mua (Bên B) là bà Nguyễn Thị A.

Văn bản thể hiện như sau: "*Tôi tên - Bên A Trần Thị C – 1974. Hôm nay ngày 13/02/2022 đặc cọc lô đất Nguyễn Ngọc Châu.*
Tôi: bên B Nguyễn Thị A-1969. Trần Thị C bán cho Nguyễn Thị A Số tiền: 330.000.000 (Ba trăm ba mươi ba triệu) đặc cọc trước 50.000.000 (C mươi triệu)còn lại 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) mùng 2 tháng 3-2022 chồng đủ nếu không đúng thời gian sẽ mất cọc. Bên A; Nếu không bán sẽ đền gấp 2 lần số tiền đặc cọc".

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết để lấy lại số tiền cọc là 50.000.000 đồng, không yêu cầu phạt cọc, không yêu cầu tính lãi với số tiền đã nộp cọc, tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm cho Nhà nước.

[4] Về phần trình bày của bị đơn:

Bà Trần Thị C là người đã mua lô đất theo thỏa thuận với ông Nguyễn Hòa Châu, sinh năm 1977, địa chỉ thôn E, xã F, thành phố Phan Thiết từ ngày 02/6/2018, thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 85, khu đất thuộc 36 hộ bị thu hồi quy hoạch đường 706B. Ngày 13/02/2022 nhận cọc số tiền 50.000.000 đồng từ bà A, mục đích sang nhượng lại lô đất trên cho bà A.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhận cọc nêu trên, phía bị đơn cho rằng đã thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận của Hợp đồng đặt cọc, không đồng ý trả toàn bộ số tiền cọc đã nhận, chỉ đồng ý trả ½ tiền cọc là 25.000.000 đồng cho Bên B - bà Nguyễn Thị A, án phí không đồng ý nộp nếu bà A tự nguyện nộp án phí cho Nhà nước bà đồng ý.

Ngoài các chứng cứ các bên đã cung cấp trên thì cả hai bên đều không cung cấp thêm chứng cứ nào khác nữa.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự C 2015 quy định như sau *"đặt cọc là việc một bên giao cho bên kia một khoản tiền hoặc kim khí quý hoặc vật có giá trị khác trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng. Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".*

Việc bà C cho rằng bà A đã biết thửa đất chuyển nhượng thuộc thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 85, khu đất thuộc 36 hộ bị thu hồi quy hoạch đường 706B, thôn E, xã F, thành phố Phan Thiết, thuộc diện quy hoạch đất do Nhà nước quản lý, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng, bà A mặc dù biết lô đất nêu trên không có sổ đỏ, chưa có biên bản giao đất, không đứng tên bà Trần Thị C nhưng vẫn đồng ý đặt cọc để mua là không tuân thủ giao dịch về chuyển nhượng QSDĐ do Nhà nước quy định, tại khoản 1 Điều 97 Luật đất đai quy định: "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất theo một loại mẫu thống nhất trong cả nước…" và điểm c khoản 1 Điều 99 Luật đất đai quy định: Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho những trường hợp sau đây: "Người được chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, được thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người nhận quyền sử dụng đất khi xử lý hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất để thu hồi nợ", ngoài ra Điều 168 Luật đất đai còn quy định: "Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận. Đối với trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp thì người sử dụng đất được thực hiện quyền sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất; trường hợp nhận thừa kế quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất được thực hiện quyền khi có Giấy chứng nhận hoặc đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".

Ngoài ra tại khoản 1 Điều 408 Bộ luật dân sự quy định: "Trường hợp ngay từ khi giao kết, hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được thì hợp đồng này bị vô hiệu".

Từ những phân tích căn cứ vào điều luật quy định cho thấy nguyên nhân dẫn tới Hợp đồng đặt cọc nêu trên không thực hiện được, xác định lỗi thuộc cả hai bên, việc các bên biết rõ tình trạng pháp lý của đối tượng giao dịch trong hợp đồng đặt cọc nêu trên là thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vẫn thỏa thuận mua bán, đặt cọc nên HĐXX xác định hợp đồng này vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được chứ không phải vô hiệu do bị lừa dối như yêu cầu khởi kiện của bà A.

Hậu quả của Hợp đồng vô hiệu được quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ

luật dân sự quy định: "Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận", vì vậy bà A yêu cầu bà C trả 50.000.000 đồng do hợp đồng bị vô hiệu là có cơ sở để chấp nhận. Bà C phải hoàn trả cho bà A 50.000.000 đồng tiền cọc. Phía bị đơn bà Trần Thị C không phản tố, không đồng ý trả toàn bộ số tiền cọc đã nhận, chỉ đồng ý trả ½ tiền cọc là 25.000.000 đồng cho Bên B - bà Nguyễn Thị A là tình tiết sự kiện mà nguyên đơn không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự C 2015. Việc bị đơn chỉ đồng ý trả một nửa số tiền cọc đã nhận của nguyên đơn vào ngày 13/02/2022 là không phù hợp với quy định của pháp luật, buộc bị đơn phải hoàn trả toàn bộ số tiền cọc mà bị đơn đã nhận cho nguyên đơn.

[6] Các vấn đề khác của hợp đồng đặt cọc *mất cọc và đền gấp 2 lần số tiền đặt cọc,* tính lãi suất của khoản tiền cọc, do nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không phản tố nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện thỏa thuận nộp án phí dân sự sơ thẩm, HĐXX chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 91, Điều 92, Điều 95, Điều 147, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 328, Điều 116, Điều 117, Điều 131 và Điều 408 của Bộ luật dân sự;
- Điều 97, Điều 99 và Điều 168 của Luật đất đai;
- Các Điều 2, 6, 7, 7A, 7B, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với bà Trần Thị C về việc: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Buộc bà Trần Thị C phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A 50.000.000 (C mươi triệu) đồng tiền cọc.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị A tự nguyện thỏa thuận nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 13/11/2023 bà Nguyễn Thị A đã nộp 1.550.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019001 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, chuyển số tiền trên sang án phí, bà A còn phải nộp thêm 950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: theo quy định tại khoản 01 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/6/2024).

5. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Ngọc